

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT

Quy hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Quy hoạch nhằm phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng đơn vị hành chính trong khoảng thời gian xác định.

Theo quy định của Luật Đất đai, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là một trong những căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (khoản 3, Điều 40) để làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (Khoản 1 Điều 52) đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và toàn tỉnh. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất của mỗi địa phương và toàn tỉnh.

Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất được duyệt và nhu cầu thực tế triển khai thực hiện các dự án, công trình phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, UBND huyện Long Thành đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn đã cơ bản đáp ứng được mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện; là cơ sở quan trọng trong công tác quản lý và sử dụng đất đai; Cơ cấu sử dụng đất đã có sự chuyển dịch phù hợp với định hướng chung của huyện, đáp ứng được mục tiêu thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác lập, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện, UBND huyện Long Thành đã triển khai thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Long Thành.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ các năm 2015, 2016, 2017, 2018;2019;2020 trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.
- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

2. Yêu cầu

- Việc Lập kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2019/NĐ-CP); Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (sau đây gọi tắt là Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021);

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2019;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 ngày 10/05/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/05/2015;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021;

- Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng năm 2023 tỉnh Đồng Nai;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Long Thành được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm.

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Long Thành;

- Kết quả thống kê đất đai trên địa bàn huyện Long Thành;

Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

IV. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

So với toàn tỉnh, Long Thành là huyện có nền kinh tế khá phát triển, tốc độ tăng trưởng khá cao và cơ cấu kinh tế chuyển dịch một cách tích cực:

- Cơ cấu kinh tế năm 2022 đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, trong đó: ngành công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ đã phát huy được thế mạnh của vùng KTTĐPN và của tỉnh về thu hút đầu tư, nên tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng năm 2022 chiếm 59,97%, ngành dịch vụ tăng chiếm 35,82%, ngành nông - lâm nghiệp 4,21%.

Như vậy xu hướng phát triển trong những năm tiếp theo sẽ ngày càng lớn và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ diễn ra ngày càng mạnh mẽ, làm gia tăng nhu cầu sử dụng đất. Đồng thời cũng đòi hỏi sự sắp xếp, bố trí hợp lý quỹ đất trên địa bàn để phù hợp với sự phát triển kinh tế, đảm bảo nhu cầu dân sinh và môi trường cũng được đảm bảo.

1. Ngành nông - lâm nghiệp:

Mặc dù mức đầu tư cho sản xuất nông lâm nghiệp từ nguồn kinh phí của nhà nước còn hạn chế, nhưng nhờ tác động của các chính sách đổi mới đối với nông nghiệp - nông thôn, nên năm qua sản xuất nông nghiệp của huyện đã được những thành quả đáng khích lệ.

- Giá trị sản xuất Nông – Lâm – Thủy sản năm 2022 ước đạt 2.624,152 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100,141%, so với cùng kỳ tăng 3,37%. Cụ thể như sau:

+ Giá trị sản xuất Nông nghiệp: đạt 2.484,391 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100,243%, so cùng kỳ tăng 3,48%. Trong đó: Trồng trọt 1.181,295 tỷ đồng; Chăn nuôi 1.215,967 tỷ đồng; Dịch vụ nông nghiệp 87,129 tỷ đồng. Tỷ trọng chăn nuôi đạt 48,94%.

+ Giá trị sản xuất Lâm nghiệp đạt 16,881 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 99,39%, so cùng kỳ tăng 2,6%.

+ Giá trị Thủy sản đạt 125,118 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100%, so với cùng kỳ tăng 4,46% .

*** Chăn nuôi:**

Trên địa bàn huyện có 100 trang trại chăn nuôi heo và 12 trang trại gia cầm. Tổng đàn gia súc, gia cầm ước năm 2022: Trâu, bò 4.546 con, so kế hoạch đạt 99,89%. Heo 125.000 con, đạt 75,8% so với kế hoạch đề ra. Gia cầm 2.039.839 con, so với kế hoạch đạt 157,6%.

*** Lâm nghiệp:**

Triển khai thực hiện phương án bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2019-2020; Phân công nhân sự trực phòng cháy chữa cháy rừng. Xây dựng và triển khai kế hoạch trồng cây phân tán năm 2022, có 14 đơn vị đăng ký, với số lượng 40.951 cây các loại. Trong năm 2022, trên địa bàn huyện Long Thành không xảy ra cháy rừng.

*** Thủy sản:**

Xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, chất độc và xung điện để khai thác thủy sản năm 2021 trên địa bàn huyện và tổ chức kiểm tra tại địa bàn các xã, thị trấn. Khảo sát hiện trạng, đề xuất nạo vét đập Sa Cá, đập dâng Bàu Tre thuộc xã Bình An, tuyên mương tổ 6 ấp Sa Cá xã Bình An.

2. Ngành công nghiệp - xây dựng:

Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp - xây dựng thực hiện năm 2022 trên địa bàn huyện ước đạt 107.446,267 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010), so với kế hoạch đạt 100,46%; so với cùng kỳ tăng 16,37%. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp (bao gồm quốc doanh, ngoài quốc doanh, đầu tư nước ngoài) 103.469,836 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 100,47%; so với cùng kỳ tăng 16,4%; giá trị xây dựng 3.976,431 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 100,04%; so với cùng kỳ tăng 15,67%.

Về hình thành các khu công nghiệp (KCN) tập trung: hiện nay đã hình thành 05 KCN bao gồm: KCN Gò Dầu, khu công nghiệp Long Thành, khu công nghiệp An Phước, KCN Lộc An - Bình Sơn và khu công nghiệp Long Đức giai đoạn 1.

Về xây dựng các cụm công nghiệp địa phương: Trên địa bàn huyện Long Thành đã hình thành và quy hoạch các cụm công nghiệp bao gồm : cụm công nghiệp Tam An, Cụm công nghiệp xã Long Phước 1, cụm công nghiệp xã Phước Bình.

3. Ngành thương mại – dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2022 trên địa bàn huyện ước đạt 19.479,170 tỷ đồng (theo giá hiện hành), so với kế hoạch đạt 100,17%; so với cùng kỳ tăng 21,15%.

V. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Bảng 01: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch năm được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Kết quả thực hiện (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp	26.535,34	26.819,86	284,52	101,07
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	1.679,09	1.780,68	101,59	106,05
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.473,53	1.575,12	101,59	106,89
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.795,47	2.797,66	2,19	100,08
1.3	Đất trồng cây lâu năm	20.662,52	20.805,58	143,06	100,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	511,32	511,32	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	330,34	362,34	32,00	109,69
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	-	-	-	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	411,59	417,27	5,68	101,38
1.8	Đất nông nghiệp khác	145,00	145,00	-	100,00

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch năm được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Kết quả thực hiện (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2	Đất phi nông nghiệp	16.526,85	16.242,33	-284,52	98,28
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	746,56	746,56	-	100,00
2.2	Đất an ninh	182,22	182,22	-	100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	2.225,98	2.225,98	-	100,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	200,95	200,95	-	100,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	127,95	127,95	-	100,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	580,34	579,52	-0,82	99,86
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	79,56	79,56	-	100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	8.274,09	8.264,96	-9,13	99,89
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	6.971,55	6.971,96	0,41	100,01
-	Đất thủy lợi	399,35	399,35	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	27,88	27,88	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	9,42	9,32	-0,10	98,94
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	193,43	193,43	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	22,60	22,60	-	100,00
-	Đất công trình năng lượng	35,61	35,61	-	100,00
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	1,43	1,43	-	100,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	8,40	8,40	-	100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	106,30	104,71	-1,59	98,50
-	Đất cơ sở tôn giáo	176,53	168,68	-7,85	95,55
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	301,60	301,60	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	0,02	0,02	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	1,39	1,39	-	100,00
-	Đất chợ	15,30	15,30	-	100,00
-	Đất hạ tầng khác	3,28	3,28	-	100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	9,20	9,20	-	100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	25,21	25,21	-	100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	2.499,46	2.169,38	-330,08	86,79
2.14	Đất ở tại đô thị	253,76	253,76	-	100,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,03	18,03	-	100,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,41	1,41	-	100,00
2.17	Đất tín ngưỡng	21,51	21,51	-	100,00
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.280,62	1.336,13	55,51	104,34

1.1. Đất nông nghiệp.

Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất nông nghiệp có diện tích là 26.535,34 ha, thực hiện đến ngày 01/9/2022 là 26.849,68 ha, cao hơn 314,34 ha, đạt 101,18% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 26.819,86 ha, cao hơn 284,52 ha, đạt 101,07% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân đất nông nghiệp còn lớn hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do tình hình kinh tế trong năm qua gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng tới thu hút vốn đầu tư, phát triển dự án dẫn tới việc chậm triển khai các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Vì vậy một số dự án chưa có khả năng thực hiện trong năm 2022 phải chuyển tiếp sang KHSDĐ năm 2023 hoặc hủy bỏ. Cụ thể:

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất trồng lúa có diện tích là 1.679,09 ha, thực hiện được 1.780,68 ha, cao hơn 101,59 ha, đạt 106,05% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do diện tích đất trồng lúa xin chuyển mục đích sang các loại đất khác đăng ký trong kỳ kế hoạch đến nay chưa thực hiện hết, chủ yếu là diện tích đất trồng lúa xin chuyển mục đích của các nhân hộ gia đình.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất chuyên trồng lúa nước có diện tích là 1.473,53 ha, thực hiện là 1.575,12 ha, cao hơn 101,59 ha, đạt 106,89% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt

- Đất trồng cây hàng năm khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 2.759,47 ha, thực hiện đến nay là 2.797,66 ha, cao hơn 2,19 ha, đạt 100,08% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 20.662,52 ha, thực hiện đến nay là 20.805,58 ha, cao hơn 143,06 ha, đạt 100,69% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất rừng sản xuất có diện tích là 330,34 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 362,34 ha, cao hơn 32,00 ha, đạt 109,69% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 411,59 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 417,27 ha, cao hơn 5,68 ha, đạt 101,38% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất nông nghiệp khác có diện tích là 145 ha, thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp khác đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

1.2. Đất phi nông nghiệp.

Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất phi nông nghiệp có diện tích là 16.526,85 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 16.242,33 ha, thấp hơn 284,52 ha, đạt 98,28% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất quốc phòng có diện tích là 746,56 ha, Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 thực hiện đạt 100% kế hoạch duyệt.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất an ninh có diện tích là 182,22 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 không thay đổi so với chỉ tiêu đã thực hiện.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất khu công nghiệp có diện tích là 2.225,98 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 thực hiện đạt 100% kế hoạch duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất cụm công nghiệp có diện tích là 200,95 ha, thực hiện dự ước, đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 127,95 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 580,34 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 579,52 ha, thấp hơn 0,82 ha, đạt 99,86% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: đang thực hiện khu khai thác vật liệu xây dựng tại Phước Bình.

- Đất phát triển hạ tầng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất phát triển hạ tầng có diện tích là 8.274,09 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 8.264,66 ha, thấp hơn 9,43 ha, đạt 99,89% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất giao thông*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất giao thông có diện tích là 6.971,55 ha, thực hiện đến nay là 6.971,96 ha, cao hơn 0,41 ha, đạt 100,01% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất thủy lợi*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất thủy lợi có diện tích là 399,35 ha, thực hiện đến nay được 399,35 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất xây dựng cơ sở văn hóa có diện tích là 27,88 ha. Thực hiện đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất xây dựng cơ sở y tế có diện tích là 9,42 ha, thực hiện đến nay được 9,32 ha, thấp hơn -0,1 ha, đạt 98,94% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có diện tích là 193,43 ha, thực hiện đến nay được 193,43 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao có diện tích là 22,60 ha, thực hiện đến nay được 22,6 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình năng lượng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất công trình năng lượng có diện tích là 35,61 ha, Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 35,61 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất công trình bưu chính, viễn thông có diện tích là 1,43 ha, thực hiện đến nay được 1,43 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất có di tích lịch sử văn hoá*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất có di tích lịch sử văn hóa có diện tích là 8,40 ha. Thực hiện đến nay đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích là 106,3 ha, thực hiện đến nay được 104,71 ha, thấp hơn -1,59 ha, đạt 98,5% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 176,53 ha, thực hiện đến nay được 168,68 ha, đạt 95,55% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất làm nghĩa trang*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất nghĩa trang có diện tích là 301,60 ha, thực hiện đến nay được 301,60 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ có diện tích là 0,02 ha, thực hiện đến nay được 0,02 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội có diện tích là 1,39 ha. Thực hiện đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất chợ*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất chợ có diện tích là 15,30 ha, thực hiện đến nay được 15,3 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình hạ tầng khác*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất công trình hạ tầng khác có diện tích là 3,28 ha, thực hiện đến nay được 3,28ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- *Đất sinh hoạt cộng đồng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất sinh hoạt cộng đồng có diện tích là 9,2 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- *Đất vui chơi giải trí công cộng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất sinh hoạt cộng đồng có diện tích là 25,21 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- *Đất ở tại nông thôn*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất ở tại nông thôn có diện tích là 2.499,46 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 2.169,38 ha, đạt 86,79% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- *Đất ở tại đô thị*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất ở tại đô thị có diện tích là 253,76 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch duyệt.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 18,03 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch duyệt.

- *Đất tín ngưỡng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất tín ngưỡng có diện tích là 21,51 ha. Dự ước thực hiện đến ngày 31/12/2022 đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch duyệt.

- *Đất sông, suối*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đất sông, suối có diện tích là 1.280,62 ha, dự ước thực hiện ngày 31/12/2022 là 1.336,13 ha, đạt 104,34% chỉ tiêu kế hoạch duyệt.

2. Kết quả thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Long Thành được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 07/09/2022 với tổng số 184 dự án/ 9.241,31 ha.

Thực tế, để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: thỏa thuận địa điểm để lập dự án; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện hoàn thành và đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai là phù hợp với thực tiễn.

Bảng 02: Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt 2022		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ (%)	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp khác	1	8,22	1	8,22	100,00	100,00
2	Đất phi nông nghiệp	183	9.233,09	162	9.015,13	88,52	97,64
2.1	Đất quốc phòng	6	54,60	6	54,60	100,00	100,00
2.2	Đất an ninh	3	32,24	2	30,24	66,67	93,80
2.3	Đất khu công nghiệp	2	600,00	2	600,00	100,00	100,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	2	150,00	2	150,00	100,00	100,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	8	47,70	8	47,70	100,00	100,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3	8,92	2	8,10	66,67	90,81
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1	79,16	1	79,16	100,00	100,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	90	5.931,55	76	5.917,74	84,44	99,77
	<i>Trong đó:</i>						
	- Đất giao thông	29	5.704,01	29	5.704,01	100,00	100,00
	- Đất thủy lợi	8	34,95	8	34,95	100,00	100,00
	- Đất cơ sở y tế	1	0,10	0	-	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	16	17,66	16	17,66	100,00	100,00
	- Đất công trình năng lượng	12	47,65	12	47,65	100,00	100,00
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	1	1,59	1	1,59	100,00	100,00
	- Đất cơ sở tôn giáo	18	21,75	8	10,74	44,44	49,38
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1	100,00	1	100,00	100,00	100,00
	- Đất chợ	4	3,84	1	1,14	25,00	29,69
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	1	0,05	1	0,05	100,00	100,00
2.10	Đất ở tại nông thôn	56	2.195,97	52	1.994,66	92,86	90,83
2.11	Đất ở tại đô thị	7	99,93	7	99,93	100,00	100,00
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2	1,90	2	1,90	100,00	100,00
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,03	0	-	-	-
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1	31,04	1	31,04	100,00	100,00
	Tổng	184	9.241,31	163	9.023,35	88,59	97,64

Trong tổng số 184 dự án/9.241,31 ha đã được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 có 163 dự án/9.023,35 ha đã và đang được triển khai thực hiện, bao gồm: 11 dự án/29,63 ha đã thực hiện xong các thủ tục đất đai (sau đây gọi tắt là thực hiện xong); 152 dự án/8.993,72 ha đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai (sau đây gọi tắt là đang thực hiện), trong đó: có 44 dự án/6973,98 ha đã có quyết định thu hồi đất, 14 dự án/337,64 ha đã có thông báo thu hồi đất, 94 dự án/1.682,1 ha đã được thỏa thuận địa điểm; còn lại 21 dự án/217,97 ha

chưa triển khai thực hiện (gồm: 6 dự án/23,23 ha chưa thực hiện và đề xuất hủy; 15 dự án/1.94,74 ha chưa thực hiện và chuyển tiếp sang 2023). Cụ thể như sau:

- **Đất nông nghiệp khác:** đang thực hiện dự án rau sạch tại Tân Hiệp 8,22 ha tiếp tục chuyển thực hiện trong kế hoạch năm 2022.

- **Đất quốc phòng:** đang thực hiện 6/6 dự án đạt 100% kế hoạch duyệt tiếp tục được chuyển qua kế hoạch năm 2022 .

- **Đất an ninh:** đã và đang thực hiện 2/3 dự án đạt 93,8% kế hoạch duyệt. Dự án Bãi tạm giữ tang vật - Công an huyện Long Thành chưa thực hiện đề nghị hủy bỏ kế hoạch 2023.

- **Đất khu công nghiệp:** đang thực hiện 02/02 khu công nghiệp (khu công nghiệp Phước Bình 190 ha và khu công nghiệp công nghệ cao 410 ha) với tổng diện tích 600 ha, đạt 100% về chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất cụm công nghiệp:** đang triển khai thực hiện 02/02 dự án/150,00 ha, đạt 100% chỉ tiêu được duyệt, gồm: Cụm công nghiệp Long Phước và Cụm công nghiệp Phước Bình.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** đã và đang thực hiện 8/8 dự án với tổng diện tích 47,7 ha, đạt 100% về dự án được duyệt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** đã và đang thực hiện 2/3 dự án với tổng diện tích 8,1 ha, đạt 90,81% diện tích kế hoạch được duyệt. Dự án Đầm giết mổ tập trung chưa triển khai thực hiện đề chuyển tiếp kế hoạch 2023.

- **Đất khai thác vật liệu xây dựng:** đang thực hiện 1/1 dự án, đạt 100% theo kế hoạch được duyệt.

- **Đất phát triển hạ tầng:** đã và đang thực hiện 76/90 dự án với tổng diện tích 5.917,74 ha, đạt 99,97% diện tích kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ **Đất giao thông:** đã và đang thực hiện 29/29 dự án với tổng diện tích 5.704,01 ha, đạt 100% diện tích kế hoạch được duyệt, trong đó: thực hiện xong 1 dự án; đang triển khai thực hiện 28 dự án.

+ **Đất thủy lợi:** đã và đang thực hiện 8/8 dự án với tổng diện tích 34,95 ha, đạt 100% số lượng dự án và diện tích kế hoạch được duyệt.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế có 1 dự án trạm y tế thị trấn Long Thành chưa thực hiện đề xuất hủy kế hoạch.**

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** đã và đang thực hiện 16/16 dự án với tổng diện tích 17,66 ha, đạt 100% diện tích kế hoạch được duyệt.

+ **Đất công trình năng lượng:** đang thực hiện 12/12 dự án với tổng diện tích 47,65 ha, đạt 100% số lượng dự án và diện tích kế hoạch được duyệt.

+ **Đất bãi thải xử lý chất thải: có 1 trạm xử lý nước thải tại thị trấn Long Thành đang thực hiện đề xuất chuyển tiếp kế hoạch.**

- **Đất cơ sở tôn giáo:** đã và đang thực hiện 8/18 dự án với tổng diện tích 10,74 ha, đạt 49,38% diện tích kế hoạch được duyệt. 10 cơ sở tôn giáo do mới được bổ sung kế hoạch 2022 nên chưa thực hiện đề xuất chuyển tiếp kế hoạch 2023

- **Đất nghĩa trang, nghĩa địa:** có 1 đang thực hiện đề xuất chuyển tiếp kế hoạch.

+ **Đất chợ:** Có 01/04 đang thực hiện dự án với tổng diện tích 1,14 ha đạt 29,69% theo kế hoạch được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** đang thực hiện dự án Nhà văn hóa ấp 2 xã Suối Trầu cũ.

- **Đất ở tại nông thôn:** đang thực hiện 52/56 dự án với diện tích 1.994,66 ha, đạt 90,83% về diện tích được duyệt. 4 dự án mới được bổ sung kế hoạch 2022 nên chưa thực hiện đề xuất chuyển tiếp kế hoạch 2023

- **Đất ở tại đô thị:** đang thực hiện 07/07 dự án với diện tích 99,13 ha, đạt 100% diện tích kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** đang thực hiện dự án trung tâm hành chính xã Phước Bình và Trụ sở UBND xã Tam An tiếp tục chuyển qua thực hiện trong kế hoạch năm 2023.

- **Đất sông, suối:** đang thực hiện dự án nạo vét bờ kè suối Quán Thủ và tiếp tục chuyển thực hiện trong kế hoạch 2022.

Như vậy, kế hoạch được duyệt của huyện trong năm 2022 là 184 dự án/9.241,31 ha; tính đến nay đã và đang thực hiện 163 dự án/9.023,35 ha, đạt 97,64% chỉ tiêu về diện tích được duyệt.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quá 3 năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019; 2020

Tổng số dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 13/08/2015; 4273/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 và Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 15/08/2016; Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 28/08/2017; 4682/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; là 133 dự án với tổng diện tích 8.611,88 ha kết quả thực hiện như sau:

Trong tổng số 184 dự án/9.241,31 ha thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2022 có 113 dự án/8.611,88 ha được chuyển tiếp từ các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 và năm 2020 (đến nay quá 03 năm). Tiến độ thực hiện như sau:

- **Các dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai:** có 11 dự án/ 29,63 ha.

- **Các dự án đang thực hiện các thủ tục đất đai:** có 95 dự án/ 8.438,12 ha. Trong đó:

+ Các dự án đã có quyết định thu hồi đất: có 44 dự án/ 6.973,98 ha.

+ Các dự án đang thực hiện các thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất: 51 dự án/1.464,14ha.

- **Các dự án chưa thực hiện:** 07 dự án/144,13 ha.

Cụ thể:

- **Đất an ninh:** đang thực hiện dự án Câu lạc bộ bóng đá Công an nhân dân; bãi tạm giữ tang vật 2 ha tại xã Lộc An chưa thực hiện đề xuất huỷ.

- **Đất quốc phòng đang thực hiện 5 dự án đang thực hiện, trong đó dự án** Trận địa Phòng không sư đoàn 367 đã có quyết định thu hồi đất.

- **Đất khu công nghiệp:** Đang thực hiện khu công nghiệp Phước Bình và KCN công nghệ cao Long Thành.

- **Đất cụm công nghiệp:** đang thực hiện Cụm công nghiệp Phước Bình và cụm công nghiệp Long Phước 1.

- **Đất thương mại dịch vụ:** đã thực hiện xong 1 dự án Trạm kinh doanh xăng dầu Ngọc Song Anh.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Đã thực hiện dự án Nhà máy sản xuất bao bì và kho bãi Công ty cổ phần Nguyên Cường.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng:** đang thực hiện các thủ tục đất đai mở đá xây dựng Phước Bình.

- **Đất phát triển hạ tầng:** đã và đang triển khai thực hiện 36 dự án/5.461,42 ha; chưa thực hiện 4 dự án . Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** đang thực hiện 17/177 dự án với tổng diện tích 5.311,54 ha,.

+ **Đất thủy lợi:** đã đang thực hiện 4/4 dự án.

+ **Đất cơ sở giáo dục đào tạo:** đã và đang thực hiện 6/6 dự án.

+ **Đất công trình năng lượng:** đang thực hiện 4 dự án/35,35 ha.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Đang thực hiện 3/3 dự án.

- **Đất nghĩa trang, nghĩa địa:** đang thực hiện 1/1 dự án, đạt 100% theo kế hoạch được duyệt.

+ **Đất chợ:** đang thực hiện 1/4 dự án/1,14 ha, 3 dự án chưa thực hiện đề nghị huỷ kế hoạch.

- **Đất ở tại nông thôn:** đã và đang thực hiện 40/42 dự án/1.902,53 ha, chưa thực hiện 2 dự án/139,23 ha, trong đó đề xuất hủy kế hoạch dự án Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đầu tư bất động sản An Trường Đạt) tại xã Phước Thái.

- **Đất ở tại đô thị:** đã và đang thực hiện 6/6 dự án/99,13 ha, tiếp tục chuyển qua thực hiện trong kế hoạch năm 2023.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** đang thực hiện dự án trung tâm hành chính xã Phước Bình tiếp tục chuyển qua thực hiện trong kế hoạch năm 2022.

4. Đánh giá chung

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện trong năm 2022 đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện; tỷ lệ các dự án đã triển khai thực hiện là khá cao (đạt 88,59% chỉ tiêu về số lượng dự án và 97,64% chỉ tiêu về diện tích được duyệt).

Tuy nhiên, trong tổng số 163 dự án/9.023,35 ha thực hiện thì có đến 152 dự án/8.993,72 ha chưa hoàn thành các thủ tục đất đai, chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Việc thực hiện dự án phải trải qua nhiều công đoạn như: thỏa thuận địa điểm để lập dự án; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... nên mất nhiều thời gian, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn. Do vậy, có nhiều dự án được đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhằm thực hiện trước một số công đoạn và sẽ đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm tiếp theo để tiếp tục thực hiện.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải thiện nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

5. Đề xuất hướng xử lý đối với các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 (3, 4 năm,....)

Trong quá trình triển khai kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015-2022 do một số yếu tố như: thay đổi về chủ trương đầu tư hoặc nhà đầu tư, khả năng huy động vốn của nhà đầu tư, vướng mắc trong quá trình làm thủ tục,... do đó, một số dự án đã được đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 nhưng đến nay vẫn còn đang thực hiện dang dở.

Tuy nhiên qua rà soát, đa số các dự án nêu trên thuộc nhóm các dự án trọng điểm (như dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, khu tái định cư và hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ kết nối sân bay), dự án chính trang đô thị, dự án phục vụ tiêu chí nông thôn mới, dự án có trong kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất của tỉnh, các dự án khu dân cư thương mại đã có chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và các dự án kinh doanh, thương mại dịch vụ khác. Do quy mô các dự án lớn, một số dự án vướng mắc, khó khăn trong công tác xác định nguồn gốc đất, kiểm kê, xác minh quá trình sử dụng đất nên một số hồ sơ bị chậm trễ, chưa được lập thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường là nguyên nhân chậm triển khai dự án.

Do đó UBND huyện Long Thành tiếp tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 14 dự án đã quá 3 năm đang thực hiện để tiếp tục thực hiện các thủ tục đất đai, **đặc biệt là dự án Cảng Hàng không quốc tế Long Thành** và các dự án phụ cận phục vụ **Cảng Hàng không**.

VI. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Phương hướng, mục tiêu tổng quát của huyện Long Thành năm 2023 là giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và có nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; duy trì phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững, gắn với tăng trưởng xanh; hạ tầng kỹ thuật của huyện đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, văn minh và mỹ quan; chất lượng giáo dục phổ thông được tiếp tục được nâng cao toàn diện; chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục được cải thiện; lành mạnh môi trường văn hóa; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, giải quyết có hiệu quả các vấn đề an sinh xã hội; bộ máy quản lý nhà nước huyện hoạt động hiệu quả, đảm bảo ngày càng trong sạch, vững mạnh, kỷ cương, dân chủ.

Xác định mục tiêu đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện Long Thành đến năm 2023 là đầu tư phát triển mạnh mẽ hạ tầng, xây dựng huyện Long Thành trở thành một huyện phát triển an toàn, văn minh.

1.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế năm 2023 chuyên dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Dự ước trong năm 2023, giá trị sản xuất ngành Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 23-25%, ngành thương mại dịch vụ tăng 23-26%, ngành nông lâm ngư nghiệp tăng 3-4% so với năm 2023.

1.2. Chỉ tiêu phát triển xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định ở mức 1,01%/năm;
- 100% trạm y tế có bác sỹ làm việc ổn định, tại chỗ; 14/14% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế;
- Huy động trẻ 5 tuổi học mẫu giáo đạt 100%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, tốt nghiệp THCS trên 99%. Giữ vững chuẩn quốc gia về phổ cập THCS, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 68%;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%;
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa trên 98%; duy trì và giữ vững toàn huyện có trên 97% các ấp - khu phố văn hóa; 100% cơ quan đơn vị và 73% doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa. 100% xã, thị trấn có Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng; trên 80% nhà văn hóa - khu thể thao các ấp, khu phố thường xuyên tổ chức các hoạt động đạt hiệu quả.

2. Số lượng dự án thực hiện trong năm 2023

Danh mục các dự án, công trình sử dụng đất năm 2023 huyện Long Thành được tổng hợp trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn; có rà soát đối chiếu với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành.

Kế hoạch năm 2023, trên địa bàn huyện Long Thành sẽ thực hiện 83 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 6.403,29 ha. Trong đó chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 82 dự án.

Bảng 04: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
				Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2022		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	diện tích (ha)
	Đất phi nông nghiệp	83	6.403,29	82	6.402,49	1	0,80
	Trong đó:		-		-		-
1	Đất quốc phòng	1	5,00	1	5,00	-	-
2	Đất thương mại, dịch vụ	1	0,20	1	0,20	-	-
3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1	0,82	1	0,82	-	-
4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	59	5.626,45	58	5.625,65	1	0,80
	<i>Trong đó:</i>						-
	- Đất giao thông	19	5.535,20	19	5.535,20	-	-
	- Đất thủy lợi	5	30,76	4	29,96	1	0,80
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	11	11,73	11	11,73	-	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	0	-	-	-	-	-
	- Đất công trình năng lượng	8	27,90	8	27,90	-	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	16	20,86	16	20,86	-	-
5	Đất sinh hoạt cộng đồng	1	0,05	1	0,05	-	-
6	Đất ở tại nông thôn	16	722,14	16	722,14	-	-
7	Đất ở tại đô thị	2	47,80	2	47,80	-	-
8	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,80	1	0,80	-	-
9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,03	1	0,03	-	-
	Tổng	83	6.403,29	82	6.402,49	1	0,80

Cụ thể như sau:

2.1. Đất quốc phòng:

Chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022 dự án Cục 12/Tổng cục 2 diện tích 5 ha.

2.2. Đất thương mại, dịch vụ:

Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 điểm kinh doanh xăng dầu tại xã Phước Bình.

2.3. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 dự án điểm giết mổ tại xã Tân Hiệp 0,82 ha.

2.4. Đất phát triển hạ tầng: dự kiến thực hiện 59 dự án/5.626,45 ha, trong đó:

- *Đất giao thông:* có 19 dự án/5.535,20 ha.

Toàn bộ chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, trong đó có một số dự án quan trọng cấp trung ương, cấp tỉnh như: đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu, đường Chu Văn An, Phan Bội Châu, Cách Mạng Tháng 8,....;

- *Đất thủy lợi:* có 5 dự án/30,67 ha

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, 4 dự án, gồm các dự án như: Xây dựng tuyến thoát nước mưa từ Khu dân cư Kim Oanh qua Khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trữ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, Hệ thống thoát nước khu vực suối Nước Trong, Hệ thống thoát nước trồng ngập úng khu vực xung quanh trung tâm văn hoá, thể thao huyện....

+ Bổ sung dự án Tuyến cấp nước D1200 (giai đoạn 2, đoạn quốc lộ 51 đến KCN Nhơn Trạch) Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của HĐND tỉnh

- *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:* có 11 dự án/11,73 ha,

Toàn bộ chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 gồm: Trường tiểu học Long Thành C; Trường THCS Tân Thành,....

- *Đất công trình năng lượng:* có 8 dự án/ 27,9 ha,

Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 gồm: Lộ ra 110KV trạm 220KV An Phước và đường dây 110KV 2 mạch từ 110KV công nghệ cao AMATA, TBA 110Kv Bàu Cạn và hướng tuyến đường dây đầu nối, Đường dây 220kV TBM 500kV Long Thành - Công nghệ cao, Nhánh rẽ đầu nối Trạm Biến áp 110KV Công nghệ cao.

- *Đất cơ sở tôn giáo:* có 16 dự án/20,86 ha, trong đó:

Toàn bộ chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: Chùa Bửu Minh (thị trấn Long Thành) Chùa Dưỡng chân Tuệ Uyển, Trường Trung cấp Phật học, Giáo xứ Thành Tâm,....

2.5. Đất sinh hoạt cộng đồng: xây dựng trụ sở ấp tại xã Bàu Cạn (ấp 2 Suối Trầu cũ).

2.6. Đất ở tại nông thôn: có 16 dự án/722,14 ha, gồm:

Toàn bộ chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: gồm các dự án phục vụ tái định cư, dự án khu dân cư thương mại khác.

2.7. Đất ở tại đô thị: có 2 dự án/47,8 ha, đất tái định cư tại TT.Long Thành.....;

2.8. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: có 1 dự án/1,9 ha, chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trụ sở UBND xã Tam An,.....

2.9. Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp: có 1 dự án/0,03 ha, chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trụ sở chi cục thú y.

3. Kế hoạch chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân

a. Hộ gia đình, cá nhân xin chuyển đất nông nghiệp sang đất ở

Do năm 2022 toàn bộ chỉ tiêu đất nông nghiệp chuyển sang đất ở trên địa bàn huyện Long Thành đã thực hiện hết và theo thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh thì năm 2023 trên địa bàn huyện Long Thành không bổ sung chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân. Vì vậy, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Long Thành không có chỉ tiêu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân.

b. Hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2023

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở tại các xã, thị trấn: 3,00 ha toàn bộ chuyển tiếp từ chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích năm 2022.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm tại các xã, thị trấn: 28,00 ha toàn bộ chuyển tiếp từ chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích năm 2022.

4. Số lượng công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2023

Trên cơ sở các dự án trong kế hoạch sử dụng đất trong năm, dự kiến năm 2023 trên địa bàn huyện sẽ thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 là 59 dự án/6.071,60 ha. Trong đó diện tích cần thu hồi là 1.440,90 ha

Bảng 05: Số lượng công trình, dự án thu hồi đất trong năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
	Đất phi nông nghiệp	59	6.071,60	1.440,90
	Trong đó:	-	-	-
1	Đất quốc phòng	1	5,00	5,00
2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	41	5.578,81	1.035,75
	- Đất giao thông	19	5.535,20	994,14
	- Đất thủy lợi	3	4,46	4,46
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	11	11,25	9,25
	- Đất công trình năng lượng	8	27,90	27,90
3	Đất ở tại nông thôn	14	439,19	358,26
4	Đất ở tại đô thị	2	47,80	41,09
5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,80	0,80
	Tổng	59	6.071,60	1.440,90

Trong đó:

- Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai 1 5 ha Cục 12/Tổng cục 2 tại xã Lộc An.

- Các dự án cần thu hồi đất theo khoản 1, khoản 2 Điều 62 Luật đất đai: 6 dự án/5.5.410,8 ha, diện tích thu hồi 910,78 ha gồm: đường cao tốc Biên Hoà Vũng Tàu, Trạm Biến áp 500KV Bắc Châu Đức và đường dây đầu nối....

- Các dự án cần thu hồi đất thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai là 52 dự án/655,82 ha, diện tích thu hồi 525,12 ha. Trong đó:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là 10 dự án với tổng diện tích 12,15 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 10,06 ha.

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là 24 dự án với tổng diện tích 156,78 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 115,72 ha.

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 5 dự án với tổng diện tích 115,64 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 107,00 ha.

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 11 dự án 373,05 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 292,35 ha.

5. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2023

Bảng 06: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Kế hoạch năm 2023		
			Diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	33.957,73	28.050,60	-5.907,13	65,14
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	2.207,93	2.006,64	-201,29	7,15
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.949,89	1.780,73	-169,16	6,35
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3.332,29	3.041,88	-290,41	10,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	26.935,52	21.579,08	-5.356,44	76,93
1.4	Đất rừng phòng hộ	512,35	512,05	-0,30	1,83
1.5	Đất rừng sản xuất	362,34	330,34	-32,00	1,18

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Kế hoạch năm 2023		
			Diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>				
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	458,44	435,60	-22,84	1,55
1.7	Đất nông nghiệp khác	148,85	145,00	-3,85	0,52
2	Đất phi nông nghiệp	9.104,46	15.011,59	5.907,13	34,86
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	691,96	696,96	5,00	4,64
2.2	Đất an ninh	149,98	133,18	-16,80	0,89
2.3	Đất khu công nghiệp	1.626,08	1.626,08	0,00	10,83
2.4	Đất cụm công nghiệp	50,95	50,95	0,00	0,34
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	80,21	113,66	33,45	0,76
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	585,63	586,45	0,82	3,91
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,40	0,40	0,00	0,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.839,70	8.443,88	5.604,18	56,25
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất giao thông	1.685,96	7.218,51	5.532,55	85,49
	- Đất thủy lợi	391,80	397,75	5,95	4,71
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	27,88	27,88	0,00	0,33
	- Đất cơ sở y tế	9,39	9,32	-0,07	0,11
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	151,70	186,55	34,85	2,21
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	25,27	23,60	-1,67	0,28
	- Đất công trình năng lượng	1,77	27,67	25,90	0,33
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	1,50	1,43	-0,07	0,02
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	8,40	8,40	0,00	0,06
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	104,71	104,71	0,00	0,70
	- Đất cơ sở tôn giáo	166,04	173,18	7,14	1,15
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	253,35	251,60	-1,75	1,68
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	0,01	0,01	0,00	0,00
	- Đất cơ sở dịch vụ xã hội	1,39	1,39	0,00	0,02
	- Đất chợ	8,60	8,60	0,00	0,10
	- Đất hạ tầng khác	1,93	3,28	1,35	0,04

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Kế hoạch năm 2023		
			Diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	9,20	9,25	0,05	0,06
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	18,19	44,90	26,71	0,30
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.445,81	1.688,37	242,56	11,25
2.12	Đất ở tại đô thị	155,16	201,09	45,93	1,34
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	16,35	17,03	0,68	0,11
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,41	1,44	0,03	0,01
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	21,51	21,51	0,00	0,14
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.411,92	1.376,44	-35,48	9,17
3	Đất đô thị*	915,57	915,57		

5.1. Đất nông nghiệp

Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp,... và nhu cầu của các phòng, ngành, địa phương, dự kiến đến năm 2023, đất nông nghiệp của huyện có diện tích 28.050,60 ha, giảm -5.907,13 ha so với năm 2022.

Cụ thể các loại đất như sau:

1.1. Đất trồng lúa

Dự kiến đến năm 2023 đất trồng lúa của huyện chỉ còn khoảng 2.006,64 ha, giảm -201,29 ha so với năm 2022.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: đến năm 2023 còn 1.780,73 ha, giảm -169,16 ha so với năm 2022.

1.2. Đất trồng cây hàng năm

Để đáp ứng nhu cầu về đất đai cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đất trồng cây hàng năm dự kiến giảm -290,41ha so với năm 2022 để chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp và đất nông nghiệp khác. Đến năm 2023, diện tích đất trồng cây hàng năm của huyện còn 3.041,88 ha.

1.3. Đất trồng cây lâu năm

Để đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đất trồng cây lâu năm của huyện năm 2023 sẽ giảm -5.356,44 ha để chuyển sang các mục đích khác. Do vậy, diện tích đất trồng cây lâu năm đến năm 2023 sẽ còn 21.579,08 ha.

1.4. Đất rừng phòng hộ

Đến năm 2023, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện là 512,05 ha phân bố tập trung tại 2 xã Phước Thái, Long Phước, giảm -0,3 ha so với năm 2022,

1.5. Đất rừng sản xuất

Đẩy mạnh phong trào trồng cây phân tán góp phần tăng độ che phủ, bảo vệ sản xuất, bảo vệ dân cư, tạo cảnh quan đô thị và bảo vệ môi trường. Áp dụng công

nghệ giảm hom, đưa các loại giống như keo lai, bạch đàn cao sản và một số loài cây khác có chu kỳ kinh doanh ngắn, sinh trưởng nhanh, cho năng suất cao. Chuyển mục đích một số khu vực trồng trà, keo,.. (thống kê vào đất rừng sản xuất) sang trồng cây công nghiệp, cây ăn quả nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Dự kiến đến năm 2023, đất rừng sản xuất của huyện là 330,34 ha giảm - 32,00 ha so với năm 2022. Do chuyển qua các mục đích phi nông nghiệp.

1.6. Đất nuôi trồng thủy sản

Tiếp tục tận dụng diện tích mặt nước ở các hồ, đập dâng để phát triển nuôi trồng thủy sản một cách hợp lý, bảo đảm môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Trong đó, nuôi trồng thủy sản chú trọng các loại vật nuôi có giá trị thương phẩm cao đặc thù và đảm bảo 100% giống sạch.

Năm 2023, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 435,60 ha, giảm - 22,84 ha so với năm 2022.

1.7. Đất nông nghiệp khác

Hoạt động chăn nuôi ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Nhìn chung, hoạt động chăn nuôi đã có sự phát triển với chất lượng đàn gia súc, gia cầm từng bước được cải thiện. Tích cực thực hiện việc chuyển đổi tập quán chăn nuôi quảng canh sang phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại. Đến năm 2023, diện tích đất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện là 145 ha, giảm 3,85 ha so với năm 2022.

5.2. Đất phi nông nghiệp

Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao; ưu tiên thu hút đầu tư theo danh mục dự án thuộc ngành nghề ưu tiên, thu hút đầu tư có điều kiện.

Tiếp tục quan tâm huy động nguồn lực để phát triển nhà ở xã hội, nhất là khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở công nhân và nhà ở cho người có thu nhập thấp. Kêu gọi đầu tư phát triển các dự án du lịch theo kế hoạch.

Dự kiến đến năm 2023, đất phi nông nghiệp của huyện là 15.011,59 ha, tăng 5.907,13 ha so với năm 2022.

2.1. Đất quốc phòng

Đến năm 2023, diện tích đất quốc phòng trên địa bàn huyện là 696,96 ha, tăng 5 ha so với năm 2022.

2.2. Đất an ninh

Trong năm kế hoạch 2023 đất an ninh giảm 16,8 ha do làm đường cao tốc Biên Hoà Vũng Tàu.

2.3. Đất khu công nghiệp

Thực hiện việc đẩy mạnh thu hút và phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế so sánh của địa phương và ít ô nhiễm môi trường. Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường vào các khu công nghiệp; hoàn chỉnh đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp của địa phương để thu hút đầu tư.

Đến năm 2023, diện tích đất khu công nghiệp trên địa bàn huyện ổn định so với năm 2022.

2.4. Đất cụm công nghiệp

Đến năm 2023, đất cụm công nghiệp trên địa bàn huyện ổn định so với năm 2022.

2.5. Đất thương mại dịch vụ

Đến năm 2023, diện tích đất thương mại dịch vụ là 113,66 ha, tăng 33,45 ha so với năm 2022 ngoài việc thống kê diện tích đất thương mại trong khu tái định cư Lộc An thì còn thực hiện dự án trạm kinh doanh xăng dầu tại xã Phước Bình 0,2 ha.

2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Đến năm 2023, đất sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 586,45 ha, tăng 0,82 ha so với năm 2022.

2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Đến năm 2023, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trên địa bàn huyện ổn định so với năm 2022.

2.8. Đất phát triển hạ tầng

Đến năm 2023, diện tích đất phát triển hạ tầng của huyện là 8.443,88 ha, tăng 5.604,18 ha so với năm 2022. Trong đó:

a. Đất giao thông: diện tích hiện trạng 1.685,96 ha, diện tích kế hoạch đến năm 2023 là 7.218,51 ha, chiếm 85,49 % diện tích đất phát triển hạ tầng nhằm thực hiện các công trình như: mở rộng các tuyến đường tỉnh, các tuyến đường huyện, xã....

b. Đất thủy lợi: diện tích hiện trạng là 391,80 ha, diện tích kế hoạch đến năm 2023 là 397,75 ha, tăng 5,95 ha so với hiện trạng.

c) Đất cơ sở văn hóa:

Ổn định diện tích trong năm kế hoạch 2023

d) Đất cơ sở giáo dục đào tạo

Tập trung chuẩn hóa cơ sở vật chất 100% trường học hiện có và tạo quỹ đất để mở rộng, xây dựng mới một số trường học; tạo bước đột phá trong xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, góp phần thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh xã hội hóa thu hút đầu tư phát triển hệ thống trường mầm non. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục đi đôi với quan tâm thực hiện tốt công tác khuyến học và xây dựng xã hội học tập.

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn huyện là 186,55 ha, tăng 34,85 ha so với năm 2022.

f) Đất cơ sở thể dục thể thao

Huy động đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống công trình thi đấu, tập luyện thể dục thể thao từ cấp huyện đến cấp xã; tạo điều kiện về mặt bằng để các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động thể dục thể

thao ở đô thị và khu vực nông thôn; đáp ứng được tiêu chí phát triển nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

Đến năm 2023, diện tích đất thể thao trên địa bàn huyện là 23,60 ha ổn định so với năm 2022.

g. Đất công trình năng lượng: diện tích hiện trạng là 1,77 ha, diện tích kế hoạch đến năm 2023 là 27,67 ha, tăng 25,90 ha so với hiện trạng, chiếm tỷ lệ 0,33% diện tích đất hạ tầng.

h. Đất công trình bưu chính viễn thông: diện tích hiện trạng là 1,43 ha, diện tích kế hoạch đến năm 2023 là giảm 0,07 ha so với năm 2022,

i. Đất có di tích lịch sử văn hóa

Ổn định diện tích so với năm 2022

k. Đất bãi thải, xử lý chất thải

Để từng bước hình thành hệ thống quản lý chất thải rắn tại khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp nhằm kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong thời gian tới, tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý rác thải trong toàn huyện nhằm đảm bảo đến năm 2023 thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại.

Đến năm 2023, diện tích đất bãi thải, xử lý rác thải trên địa bàn ổn định so với năm 2022

l. Đất cơ sở tôn giáo

Hiện trạng năm 2022 là 166,04 ha, kế hoạch đến năm 2023 là 173,18 ha, tăng 7,14 ha so với năm 2022 do thực hiện chuyển mục đích đối với các công trình tôn giáo hiện hữu đủ điều kiện công nhận hoạt động hợp pháp sẽ đưa vào kế hoạch để thực hiện các thủ tục về đất đai.

m. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa

Hiện trạng năm 2022 là 253,35 ha, kế hoạch đến năm 2023 là 251,6 ha giảm 1,75 ha so với năm 2022

p. Đất cơ sở khoa học và công nghệ:

Diện tích hiện trạng là 0,01 ha, diện tích kế hoạch đến năm 2023 là ổn định so với năm 2022

q. Đất cơ sở dịch vụ xã hội: Ổn định diện tích so với năm 2022

2.9. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Tăng 26,71 ha so với năm 2022

2.10. Đất ở tại nông thôn

Hiện trạng năm 2022 là 1.445,81 ha, kế hoạch đến năm 2023 là 1.688,37 ha, tăng 242,56 ha so với năm 2022.

2.11. Đất ở tại đô thị

Đến năm 2023, diện tích đất ở tại đô thị trên địa bàn huyện là 201,09 ha, tăng 45,93 ha so với năm 2022.

2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng của các Sở, ngành và UBND các xã, thị trấn. Đến năm 2023, diện tích đất trụ sở trên địa bàn huyện là 17,03 ha, tăng 0,68 ha so với năm 2022.

2.13. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Hiện trạng năm 2022 là 1.411,92 ha, kế hoạch đến năm 2023 là 1.376,44 ha, giảm -35,48 ha so với năm 2022 do một số dự án hạ tầng đường giao thông, thủy lợi có sử dụng vào đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.....

6. Chỉ tiêu thu hồi đất trong năm 2023

Bảng 07: Diện tích thu hồi đất năm 2023

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	Loại đất		
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.343,97
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	95,61
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>89,66</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,83
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.191,87
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1,33
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	32,00
1.6	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	18,33
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	96,93
	Trong đó:		
2.1	Đất an ninh	CAN	16,80
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	12,71
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>- Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>6,35</i>
	<i>- Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,07</i>
	<i>- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>2,30</i>
	<i>- Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>0,74</i>
	<i>- Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,07</i>
	<i>- Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>1,71</i>
	<i>- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>1,47</i>
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	49,33
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,34
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,13
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	14,45

7. Chỉ tiêu chuyển mục đích trong năm 2023

a. Chỉ tiêu chuyển mục đích theo hiện trạng trong năm 2023

Bảng 08: Diện tích chuyển mục đích năm 2023

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	5.907,13
	<i>Trong đó:</i>		-
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	173,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	143,20
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	290,41
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	5.384,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,30
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	32,00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	22,84
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	3,85
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		28,00
	<i>Trong đó:</i>		-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	28,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	9,72

b. Chỉ tiêu chuyển mục đích theo hồ sơ địa chính trong năm 2023

Bảng 9: Diện tích chuyển mục đích năm 2023

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	2.154,65
	<i>Trong đó:</i>	-
1.1	Đất trồng lúa	207,60
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	98,66
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	326,04

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.495,05
1.4	Đất rừng phòng hộ	31,31
1.5	Đất rừng sản xuất	48,43
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	45,45
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,76
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	28,00
	<i>Trong đó:</i>	-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	28,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	9,72

8. Dự kiến các khoản thu, chi trong năm kế hoạch 2023.

Qua tính toán cho thấy dự kiến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch là 12.382 tỷ đồng gồm các khoản thu từ việc giao đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn, thu từ việc cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu thuế đất phi nông nghiệp. Chi phí cho việc đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp, chi suất tái định cư tối thiểu khoảng 11.363 tỷ đồng. Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là 1.019 tỷ đồng.

Kết quả này cho thấy tính hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện mang lại.

VII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện

1.1. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Công bố công khai, kịp thời nội dung kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai.

1.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp phường, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

1.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. UBND huyện

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách.

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất đúng quy định.

2.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Triển khai thực hiện phương án điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của huyện, đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ giữa các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của huyện.

2.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới cần báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo luật định.

VIII. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Long Thành được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành, các xã, thị trấn; các quyết định điều chỉnh cục bộ, quy hoạch chi tiết của các công trình dự án thuộc các xã, thị trấn và được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Nhìn chung, số lượng và diện tích các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là khá lớn. Vì vậy, để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.